

Bản án số: 25/2022/HS-ST  
Ngày 05/5/ 2022;

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy;

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Bùi Đăng Lý;

Bà Nguyễn Thị Mai;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lân, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Triệu T Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/20022/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Danh T**, sinh ngày 08/9/1985, tại huyện B, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Muối, xã Y, huyện B, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Danh Tuân, sinh năm 1962 (đã chết); con bà Nguyễn Thị Kỳ, sinh năm 1961; Vợ, con: chưa có ;Tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/1/2020 bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 19/11/2021 tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. Danh chỉ bản số 316 do Công an huyện Thạch Thất lập ngày 28/11/2021. Có mặt.

**2. Nguyễn Danh C**, sinh ngày 14/11/1988, tại huyện B, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn Muối, xã Y, huyện B, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Danh Tuân, sinh năm 1962 (đã chết); con bà Nguyễn Thị Kỳ, sinh năm 1961; Vợ: Bùi Thị Hải, sinh năm 1992, con: 01 con

sinh năm 2012 ;Tiền án: Không; tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 19/11/2021 tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội. Danh chỉ bản số 315 do Công an huyện Thạch Thất lập ngày 28/11/2021. Có mặt.

***\*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Danh T và Nguyễn Danh C:***

Ông Nguyễn Văn Trịnh, sinh năm 1982 – Luật sư, Văn phòng luật sư Trịnh Hương, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. có mặt;

Thẻ luật sư số: 10784/LS, cấp ngày 18/5/2016, nơi cấp: Liên đoàn luật sư Việt N;

**3. Nguyễn Văn N**, sinh ngày 20/10/1989; tại xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Đồng Mả, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: N; Con ông Nguyễn Văn Liền, sinh năm 1949, con bà Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1957; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Từ ngày 19/11/2021 đến ngày 28/11/2021, tạm giam: Không. Danh chỉ bản số 318 do Công an huyện Thạch Thất lập ngày 28/11/2021. Có mặt.

**4. Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1990, tại xã Q, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT: Thôn Trung Thượng, Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Xuân Trung, sinh năm 1959; con bà Phan Thị Thơm, sinh năm 1962; Vợ: Nông Thị Hằng, sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: Từ ngày 19/11/2021 đến ngày 28/11/2021, tạm giam: Không; danh chỉ bản số 317 do Công an huyện Thạch Thất lập ngày 28/11/2021. Có mặt.

***\*Bị hại:*** Anh Nguyễn Văn Phương, sinh năm 1994; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Vân Côn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội;

***\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1.Bà Nguyễn Thị Kỳ, sinh năm 1961; có mặt;

2. Chị Bùi Thị Hải, sinh năm 1992; có mặt;

Trú tại: Thôn Muối, xã Y, huyện B, Thành phố Hà Nội;

***\* Người làm chứng:***

1. Anh Nguyễn Văn Nguyên, sinh năm 1994; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Vân Côn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

2. Ông Nguyễn Văn Hiểu, sinh năm 1974; vắng mặt;

3. Ông Khuất Đình Thái, sinh năm 1976; vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Hội Hương, xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội;

4. Ông Nguyễn Quốc Tuấn, sinh năm 1979; vắng mặt;

Nơi cư trú: Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2021, anh Nguyễn Văn Phương (SN 1994, trú tại: thôn Vân Côn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội) thuê Nguyễn Danh T (SN 1985, trú tại: thôn Muối, xã Y, huyện B, Thành phố Hà Nội) làm công trình trần Thạch cao với tiền công thỏa thuận bằng miệng là 50.000đ/01m<sup>2</sup>. Đến khoảng cuối tháng 10/2021 T làm xong công trình, anh Phương nghiệm thu đo diện tích là 175m<sup>2</sup> nH T đo là 187 m<sup>2</sup>. Do vậy, hai bên chưa thống nhất được nên anh Phương chưa thanh toán tiền công cho T. Sau đó, T nhiều lần gọi điện đòi tiền công nH anh Phương khát, hẹn khi nào chủ thầu thanh toán thì anh Phương trả tiền cho T.

Khoảng 13 giờ, ngày 13/11/2021, T gọi điện nói chuyện với Nguyễn Danh C (SN 1988, trú tại: thôn Muối, xã Y, huyện B, TP Hà Nội) là em trai ruột của T về việc anh Phương nợ tiền không trả. T đưa số điện thoại của anh Phương cho C và bảo C gọi điện lừa anh Phương đến nhận công trình làm Thạch cao để T đòi tiền. Khoảng 14 giờ, ngày 13/11/2021, C dùng số điện thoại 0972336987 gọi điện đến số điện thoại 0983361194 của anh Phương đặt vấn đề làm trần Thạch cao, anh Phương đồng ý. C hẹn 16 giờ, ngày 14/11/2021 sẽ đón anh Phương ở khu vực Làng văn hóa các dân tộc Việt N để đến nhận công trình.

Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 14/11/2021, anh Phương điều khiển xe mô tô YAMAHA Gravita BKS 17B6-069.70 chở theo Nguyễn Văn Nguyên, SN 1994, trú tại: thôn Vân Côn, xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội (là bạn của anh Phương) đến đầu đường cao tốc Hà Nội - Hòa Bình và gọi điện cho C đón. C điều khiển xe ô tô BKS 30G- 499.23 đến đón anh Phương. Khoảng 17 giờ 45 phút cùng ngày, C gọi điện thông báo cho T biết việc C đã gặp anh Phương ở khu vực Làng văn hóa. Lúc này, T cùng các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Văn N đang ngồi uống nước tại nhà anh Nguyễn Văn Hiếu (SN 1979, trú tại: thôn Hội Hương, xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội). T đi xe ô tô FordTransit, BKS 29B-413.47 đi ra khu vực Làng Văn hóa gặp Phương. Thấy T ra xe ô tô nên N và H cũng đi cùng. T điều khiển xe ô tô FordTransit, BKS 29B-41347 chở N, H để đi đến khu vực Làng văn hóa các dân tộc Việt N. Khi đi được khoảng 100 mét thì T gặp anh Khuất Đình Thái (SN 1976, ở thôn Hội Hương, xã Yên Trung, huyện

Thạch Thất, TP Hà Nội là người quen biết với T) mời vào nhà uống rượu. T đồng ý cùng N, H vào nhà anh Thái uống rượu. Khoảng 05 phút sau, C gọi điện cho T nói là đã gặp được anh Phương thì T bảo C đưa anh Phương đến nhà anh Hiếu (C biết nhà anh Hiếu). Khoảng 18 giờ 20 phút, C đưa anh Phương, anh Nguyễn đến nhà anh Hiếu và gọi điện cho T biết. Anh Phương để xe máy ngoài cổng rồi anh Phương và anh Nguyễn vào hiên nhà anh Hiếu ngồi chờ. Khoảng 02 phút sau, T đi từ nhà Thái đến nhà anh Hiếu gặp anh Phương. Khi gặp, T bảo anh Phương đi theo T để nói chuyện về việc nợ tiền. Sau đó, T điều khiển xe mô tô của anh Phương chở anh Phương sang nhà anh Thái. Đến nhà anh Thái, T bảo anh Phương ngồi xuống mâm rượu rồi nói “Nội trong ngày hôm nay mày làm thế nào thì làm lo tiền trả tao, không là không xong với tao đâu. Tiền công mày nợ là chín triệu ba năm chục với tiền anh em đi lại và đưa mày về là năm triệu”. Lúc này, C đi bộ từ ngoài đi vào cầm theo một cây gậy bằng kim loại (dạng gậy đánh bóng chày) để trong vỏ túi vải màu đen đi đến nhà anh Thái và ngồi xuống mâm rượu. C đặt chiếc gậy xuống sàn nhà phát ra Tg kêu “keng” và nói với anh Phương “Mày thu xếp trả tiền anh tao đi”. Anh Phương nói “Công ty chưa thanh toán tiền cho em nên em chưa có tiền trả anh, em khát đến mai”. Sau đó, anh Phương gọi điện (bật loa ngoài) cho anh H - Giám đốc Công ty GB Land để hỏi tiền thì anh H nói “để tối a chuyển khoản cho”. Nghe vậy, H nói với anh Phương “Nợ tiền thì trả đi”. Khoảng 10 phút sau, anh Phương tiếp tục gọi điện cho anh H đòi tiền để trả cho T thì anh H nhắn tin lại với nội dung “Chỉ có tiền mặt, không có tiền tài khoản”. Anh Phương đưa điện thoại cho T xem nội dung tin nhắn và nhờ T chở đến Công ty lấy tiền trả NH T không đồng ý và bảo anh Phương cho địa chỉ công ty để T bảo người đến lấy tiền. Anh Phương không đồng ý và nói “để em bảo người nhà đến lấy rồi chuyển cho anh”. Khoảng 03 phút sau, C nói với anh Phương “Thằng kia xem thế nào thu xếp tiền nhanh, mày để anh em chờ lâu quá”. T tiếp tục thúc giục anh Phương trả tiền. Sợ sẽ xảy ra mâu thuẫn đánh nhau nên anh Thái nói “Nếu bọn mày thích đánh nhau thì đi chỗ khác mà đánh nhau, không được đánh ở nhà tao, ảnh hưởng đến nhà tao”. Nghe vậy, T bảo anh Phương đi ra xe ô tô của T để tiếp tục nói chuyện. Thấy T đứng dậy nên C, N, H cũng đứng dậy đi cùng. Ra cổng nhà anh Thái thì T bảo anh Phương lên xe ô tô FordTransit của T, N, H cũng lên xe còn C đến nhà anh Hiếu lấy xe ô tô. Ngồi chờ khoảng 10 phút vẫn chưa thấy người nhà anh Phương chuyển tiền nên T hỏi anh Phương “Thế nào”, anh Phương trả lời “chờ em tí, người nhà em đang chuyển tiền”. Khoảng 05 phút sau, C lái xe lên hỏi anh Phương “thế nào cu”, anh Phương trả lời “em đang gọi đây, anh chờ tí”. Khoảng **18 giờ 45 phút** cùng ngày, T lái xe FordTransit chở H ngồi ở ghế phụ, anh Phương và N ngồi ghế phía sau di chuyển đi chỗ khác để tiếp tục đòi tiền anh Phương. C lái xe vượt lên hỏi T “đi đâu” thì T nói đi ra quán nước NH C bảo ra quán cà phê. T không đồng ý và bảo C ra khu vực trường bắn Đồng Roi ở xã Y, B. C điều khiển xe vượt lên đi trước cùng xe của T đi đến trường bắn Đồng Roi. Trên đường đi anh Phương nhắn tin, gửi vị trí nói anh Nguyễn giả nhận là

người nhà của anh Phương để anh Phương gọi điện bắt loa ngoài báo chuyển tiền nhằm mục đích kéo dài thời gian để báo Công an. Quá trình di chuyển T nhiều lần đòi tiền thì anh Phương nói với T là sẽ đưa điện thoại, giấy tờ xe cho T để làm tin đến ngày mai sẽ trả tiền NH T không đồng ý, đồng thời anh Phương vẫn trả lời T là đang chờ người nhà chuyển tiền. Nghe vậy, H nói với anh Phương “nợ tiền thì trả đi”. Khi qua cổng trào huyện B rẽ vào trường bắn Đồng Roi khoảng 300 mét thì anh Phương thấy có ánh đèn xe tường là lực lượng Công an đã đến nên xin T xuống xe đi vệ sinh nhằm mục đích chạy đến chỗ Công an trình báo. T dùng xe bảo N, H mở cửa xe và quản lý anh Phương. Anh Phương xuống quan sát không phải là Công an nên sau khi vệ sinh xong lại quay lên xe. Lúc này T vẫn ngồi trên xe còn N, H, C đi nhặt củi đốt lửa sưởi ấm. Khoảng 10 phút sau, C đi chở khách còn N, H vẫn ngồi đốt lửa sưởi ấm. Anh Phương tiếp tục nói với T xin xuống đi vệ sinh “nặng”. T đồng ý và đưa cho anh Phương một túi giấy ăn. Khoảng 20 phút sau, C quay lại nói với T là anh Phương bảo bạn báo Công an. C hỏi anh Phương “Có phải bạn mày báo Công an không?”. Thấy vậy, T bảo Phương đưa điện thoại để T kiểm tra. Sau khi kiểm tra điện thoại của Phương xong không phát hiện thông tin gì thì T để điện thoại của anh Phương “học” sát ghế phụ. C nói với T di chuyển xe đi chỗ khác thì N lên xe ô tô của T còn H lên xe ô tô của C. T điều khiển xe đi thêm khoảng 300 mét thì dừng lại, xe ô tô của C cũng dừng lại. **Khoảng 22 giờ 25 phút** cùng ngày, anh Phương tiếp tục xin T xuống đi vệ sinh. T đồng ý, N mở cửa xe và đi theo anh Phương xuống để quản lý. Anh Phương xuống xe giả vờ nôn ọe đi về phía sau xe. Khi N không quan sát, anh Phương đã bỏ chạy vào trường bắn Đồng Roi. Tại đây, anh Phương gặp anh Nguyễn Quốc Tuấn, SN 1979 là chỉ huy trưởng trường bắn Đồng Roi xin trốn nhờ. Khoảng 05 phút sau, T không thấy anh Phương lên xe nên hỏi C, N, H xem anh Phương đâu. C, N, H kiểm tra thì phát hiện anh Phương đã bỏ trốn, sau đó cả nhóm đi tìm xung quanh khu vực đỗ xe không thấy anh Phương đâu nên T bảo tất cả ra về. Khi về gần đường cao tốc Hà Nội – Hòa Bình thì T bảo C chở N, H về nhà trọ ở xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai. Đồng thời T đưa chiếc điện thoại OPPO F1S của anh Phương cho C và nói “mày cầm lấy điện thoại có người gọi thì nghe để lấy tiền nợ”. C đồng ý. Lúc này, anh Phương nhờ anh Tuấn gọi điện báo lực lượng Công an. Khoảng 22 giờ 40 phút, ngày 14/11/2021, Công an xã Yên Trung đã đến trường bắn Đồng Roi đón anh Phương về trụ sở làm việc.

**Tang vật, tài liệu thu giữ:**

- 01 (một) chiếc điện thoại di động OPPO F1S màu vàng, IMEI 1: 862660039867336, IMEI 2: 862660039867328, đã qua sử dụng của anh Nguyễn Văn Phương do Nguyễn Danh C giao nộp.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone7 Plus, vỏ mặt sau màu vàng có dòng chữ “Iphone Designed by Apple in California Assembled in China” bị khóa màn hình, bên trong lắp sim (số thuê bao 0972183485) đã qua sử dụng của Nguyễn Danh T.

- 01 (một) điện thoại di động IphoneXs, vỏ mặt sau màu vàng, bên trong lắp sim (số thuê bao 0972336987), số Imei: 357228098713100 đã qua sử dụng của Nguyễn Danh C.

- 01 (một) xe ô tô FordTransit, màu bạc, BKS 29B-413.47, đã qua sử dụng của Nguyễn Danh T.

- 01 (một) chiếc xe ô tô con HyundaiAccent, màu trắng, BKS: 30G-449.23 kèm theo các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô trên của Nguyễn Danh C.

- 01 (một) gậy bằng kim loại (dạng gậy đánh bóng chày), màu đỏ-đen, kích thước chiều dài 75cm, đường kính đầu gậy 05cm, đường kính đuôi gậy 4,5cm (chỗ lớn nhất), Trên thân gậy có dòng chữ “Supereme” màu trắng, chiếc gậy đã qua sử dụng được để trong túi vải màu đen thu trên xe ô tô BKS: 30G-449.23 của Nguyễn Danh C.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 103 ngày 23/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Thạch Thất đã kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S đã qua sử dụng có giá tại thời điểm hiện tại là 1.700.000 đồng.

**Về xử lý vật chứng:** Cơ quan CSĐT Công an huyện Thạch Thất đã trao trả chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S màu vàng, IMEI 1: 862660039867336, IMEI 2: 862660039867328, đã qua sử dụng cho anh Nguyễn Văn Phương

**Về dân sự:** Gia đình bị cáo T và bị cáo C đã bồi thường cho anh Phương 15.000.000 đồng, bị cáo N và bị cáo H đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho anh Phương; anh Phương đã nhận tiền bồi thường của các bị cáo, không yêu cầu Tòa án giải quyết về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 28/QĐ –VKS ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân H về tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự;

*Đề nghị Hội đồng xét xử:*

1. Áp dụng khoản 1 Điều 169; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Danh T** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/11/2021.

Xử phạt: **Nguyễn Danh C** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/11/2021.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 169; khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Văn N** từ 15 - 18 tháng tù nH cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 30 - 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Nguyễn Xuân H** từ 18 - 24 tháng tù nH cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 36 - 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn N và Nguyễn Xuân H cho chính quyền nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX, Tịch thu xung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone7 Plus, 01 (một) điện thoại di động IphoneXs; Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gậy bằng kim loại (dạng gậy đánh bóng chày); Trả lại cho bị cáo Nguyễn Danh T 01 (một) xe ô tô FordTransit, màu bạc, BKS 29B-413.47; Trả lại cho Nguyễn Danh C, 01 (một) chiếc xe ô tô con HyundaiAccent, màu trắng, BKS: 30G-449.23 kèm theo các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô trên của Nguyễn Danh C.

#### **Người bào chữa cho bị cáo T, bị cáo C:**

Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Tòa án xem xét về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo một phần do lỗi của bị hại, bị hại nợ bị cáo tiền công lao động không trả dẫn đến bị cáo bức xúc, mục đích các bị cáo chỉ muốn đòi lại số tiền công lao động của mình nH do các bị cáo không hiểu biết pháp luật nên đã bắt cóc anh Phương để ép anh Phương trả nợ. Bị cáo C có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội do không hiểu biết pháp luật nên có tham gia cùng bị cáo T đòi nợ. Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong thời gian tạm giam, bị cáo T, bị cáo C đã tác động để nhờ gia đình đến xin lỗi bị hại và bồi thường thiệt hại cho bị hại (15.000.000 đồng) và được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo C. Mức án Viện kiểm sát đề xuất là quá nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức VKS đề xuất.

Bị cáo T và bị cáo C có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất, dưới khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng đầu tháng 10/2021, anh Nguyễn Văn Phương thuê Nguyễn Danh T làm công trình trần thạch cao với tiền công thỏa thuận là 50.000đ/01m<sup>2</sup>. Đến khoảng cuối tháng 10/2021 T làm xong công trình, anh Phương nghiệm thu đo diện tích là 175m<sup>2</sup> nH T đo là 187 m<sup>2</sup>. Do vậy, hai bên chưa thống nhất được nên anh Phương chưa thanh toán tiền công cho T. Sau đó, T nhiều lần gọi điện đòi tiền công nH anh Phương khát, hẹn khi nào chủ thầu thanh toán thì anh Phương trả tiền cho T.

Do nhiều lần đòi tiền anh Phương không trả nên khoảng 18 giờ 45 phút, ngày 14/11/2021, Nguyễn Danh T bảo em trai là Nguyễn Danh C gọi điện cho anh Phương lên nhận công trình, sau đó Nguyễn Danh T cùng Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân H đã có những lời nói mang tính chất đe dọa bắt anh Phương phải lên xe ô tô FordTransit BKS 29B-41347 đi từ thôn Hội Hương, xã Yên Trung, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội đến khu vực trường bán Đồng Roi thuộc địa phận xã Y, huyện B, Thành phố Hà Nội đến khoảng 22 giờ 25 phút cùng ngày thì anh Phương trốn thoát. Mục đích T, C, N, H bắt giữ anh Phương để buộc anh Phương trả nợ. Tổng số tiền T yêu cầu anh Phương trả là 16.050.000 đồng; trong đó, 9.350.000 đồng tiền công thợ và 5.000.000 đồng tiền T đi lại tìm anh Phương. Quá trình bắt giữ anh Phương, T đã lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S của anh Phương trị giá 1.700.000 đồng. Tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã bắt cóc anh Phương lên xe ô tô để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Phương. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 169 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất truy tố các bị cáo theo tội danh và viện dẫn áp dụng điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản của người khác, làm mất trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần xem xét, đánh giá tính chất mức độ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án.

Đối với Nguyễn Danh T là người chủ động bàn bạc với C lừa anh Phương đến nhận công trình để bắt giữ anh Phương, rủ N, H đi cùng để tăng sức ép và trông giữ anh Phương, mục đích để đòi nợ, quá trình bắt giữ T đã lấy điện thoại của anh Phương nên có vai trò chính trong vụ án. Nguyễn Danh C tham gia bàn bạc và trực tiếp gọi điện lừa anh Phương đến để cho T và đồng phạm bắt cóc anh Phương lên xe ô tô, C tham gia với vai trò đồng phạm tích cực; N, H tuy không bàn bạc trước với T, C nhưng khi thấy T bắt anh Phương lên xe, N, H cũng đi cùng và ngồi trên xe trông giữ anh Phương, không cho anh Phương trốn, khi anh Phương bỏ trốn được thì cùng T, C đi tìm kiếm anh Phương nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự và đồng phạm với T, C, với vai trò không đáng kể.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong vụ án đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Phương nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo N có bố đẻ là thương binh được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Phương đã trả lại bị cáo T số tiền 9.350.000 đồng (bà Kỳ mẹ bị cáo T nhận thay) và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo trong vụ án nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra về nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là do bị hại nợ tiền T không trả, do vậy bị hại cũng có lỗi một phần nên cho các bị cáo trong vụ án được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7]. Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, xét thấy:

Bị cáo T nhân thân có 01 tiền sự năm 2020 (chưa được xóa), có vai trò chính trong vụ án nên phải chịu mức hình phạt cao nhất và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian.

Bị cáo C, N, H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Các bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, N, H tham gia với vai trò không đáng kể, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với Điều 65 Bộ luật hình sự.

[8]. *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 6 Điều 169 của Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng....*” do vậy, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, quản chế, cấm đi khỏi nơi cư trú từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần tài sản. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9]. *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình xét xử bị cáo T, C đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho anh Phương số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo N, H cũng đã bồi thường một phần thiệt hại cho anh Phương. Anh Phương không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xét.

[10]. *Về xử lý vật chứng*:

Đối 01 (một) điện thoại di động Iphone7 Plus và 01 (một) xe ô tô FordTransit, màu bạc, BKS 29B-413.47 thu giữ của Nguyễn Danh T là tài sản chung của gia đình và là phương tiện liên lạc, đi lại, kinh doanh tạo thu nhập cho gia đình nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 (một) chiếc xe ô tô con HyundaiAccent, màu trắng, BKS: 30G-449.23 kèm theo các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô của Nguyễn Danh C là tài sản chung của vợ chồng bị cáo C; chiếc điện thoại là phương tiện để bị cáo liên lạc cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo C là có căn cứ.

Đối với 01 (một) gậy bằng kim loại (dạng gậy đánh bóng chày), bị cáo C dùng để uy hiếp về mặt tinh thần đối với bị hại nên tịch thu tiêu hủy.

[11]. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn Nan,

Nguyễn Xuân H phạm tội “*Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản*”;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Danh T 24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2021.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Danh C 18** (mười tám) tháng tù nH cho hưởng án treo, hạn thử thách **36** (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Y, huyện B, Thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Danh C ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về một tội phạm khác.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 169 Bộ luật hình sự; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Nguyễn Văn N 12** (mười hai) tháng tù nH cho hưởng án treo. Hạn thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt: **Nguyễn Xuân H 12** (mười hai) tháng tù nH cho hưởng án treo. Hạn thử thách 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

-Trả lại Nguyễn Danh T 01 (một) điện thoại di động Iphone7 Plus và 01 (một) xe ô tô FordTransit, màu bạc, BKS 29B-413.47.

-Trả lại Nguyễn Danh C 01 (một) điện thoại di động IphoneXs, 01 (một) chiếc xe ô tô con HyundaiAccent, màu trắng, BKS: 30G-449.23 kèm theo các giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô trên.

-Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gậy bằng kim loại (dạng gậy đánh bóng chày)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 31 ngày 05/5/2022 giữa Cơ quan Điều tra Công an huyện Thạch Thất và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất).

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Nguyễn Danh T, Nguyễn Danh C, Nguyễn Văn N và Nguyễn Xuân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận :**

- TAND thành phố Hà Nội;
- CA, VKSND, THA huyện T
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã Y, B, Hà Nội;
- UBND xã T, M, Hà Nội;
- UBND Q, TX B, Q ;
- Lưu HS, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu T**